

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản khác Năm 2023

Căn cứ Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Trường THCS Đức Giang thông báo niêm yết công khai như sau:

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công khai tình hình Quản lý, sử dụng tài sản khác năm 2023 theo mẫu biểu số 09c-CK/TSC Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

Thời gian công khai: 04/01/2024 đến 04/04/2024

Hình thức công khai: Niêm yết tại Phòng Hội đồng, Công thông tin điện tử Trường THCS Đức Giang.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

Điều 3: Hiệu trưởng, kế toán, TB TTND, thủ quỹ và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- Bảng tin thông báo(để niêm yết)
- Lưu hồ sơ CK

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Soan

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản khác Năm 2023

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công .

Căn cứ quyết định số 02/QĐ-THCSĐG ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Trường THCS Đức Giang về việc niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản khác năm 2023.

Trường THCS Đức Giang thông báo niêm yết công khai như sau:

1. Nội dung:

Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản khác năm 2023 theo biểu số 09c-CK/TSC Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính.

2. Thời gian niêm yết: Từ ngày 04/01/2024 đến ngày 04/04/2024.

3. Địa điểm niêm yết: Bảng tin Phòng Hội đồng , cổng thông tin điện tử trường THCS Đức Giang.

4. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Ban giám hiệu, kế toán, TB TTND, công khai tới toàn thể CBGVNV .

5. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 04/01/2024 đến ngày 04/04/2024

6. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường: c2ducgiang@longbien.edu.vn

7. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Chậm nhất là ngày 04/04/2024.


HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Soan

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Tình hình quản lý, sử dụng tài sản khác năm 2023

Căn cứ Quyết định số .22../QĐ-THCSĐG ngày 04/01/2024 của Trường THCS Đức Giang về việc công bố công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản khác năm 2023.

Hôm nay, vào hồi 08h 15 ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại phòng Hội đồng Trường THCS Đức Giang

1. Thành phần gồm có:

- Bà Nguyễn Thị Soan Chức vụ: Hiệu trưởng- Người chịu trách nhiệm công khai
- Bà: Nguyễn Thị Hạnh Chức vụ: Trưởng ban thanh tra ND- Người chịu trách nhiệm CK
- Bà: Nguyễn Thị Vân Anh Chức vụ: Thư ký HĐ- Người lập biên bản niêm yết công khai
- Bà: Nguyễn Thị Hồng Hải Chức vụ: Kế toán- Người chịu trách nhiệm niêm yết

2. Với sự chứng kiến của:

Đ/c: Mai Thị Xuân Sinh- GV môn Thể dục

3.Nội dung: Niêm yết công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản khác năm 2023 theo mẫu biểu số 09c-CK/TSC Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.

4.Thời gian niêm yết: Từ ngày 04 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 04 tháng 04 năm 2024.

5.Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng, cổng thông tin điện tử Trường THCS Đức Giang.

Biên bản lập xong vào hồi 8 giờ 30 ngày 04 tháng 01 năm 2024, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Soan

Ban TTND



Nguyễn Thị Hạnh

Người lập biên bản



Nguyễn Thị Vân Anh

Người chứng kiến



Mai Thị Xuân Sinh

Người chịu trách nhiệm niêm yết



Nguyễn Thị Hồng Hải

Độ, tỉnh: Thành phố Hà Nội

Cơ quan quản lý cấp trên: UBND quận Long Biên

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THCS Đức Giang

Mã đơn vị: 1088940

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2022

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		266	13,695,958	13,667,958	28,000	3,890,445							
1	Âm ly	TBNT	1	10,155	10,155									
2	Máy tính giáo viên	TA	1	13,739	13,739									
3	Máy tính giáo viên	QT	1	13,739	13,739									
4	Máy tính giáo viên	TH	1	13,739	13,739									
5	Máy tính giáo viên	DD	1	13,739	13,739									
6	Máy tính giáo viên	YT	1	13,739	13,739									
7	Máy tính giáo viên	BM	8	109,912	109,912									
8	Máy tính giáo viên	CN	1	13,739	13,739									
9	Máy tính giáo viên	TA1	2	27,478	27,478									
10	Máy tính giáo viên	ĐOAN	1	13,739	13,739									
11	Máy tính giáo viên	CD	1	13,739	13,739									
12	Máy tính cấu hình 1 cho HS	TA	44	473,088	473,088									
13	Máy tính cấu hình 1 cho HS	TH	20	215,040	215,040									
14	Máy tính cấu hình 1	TA	1	13,250	13,250									
15	Máy tính cấu hình 1	TA	1	13,250	13,250									
16	Máy tính cấu hình 1	TA	1	13,250	13,250									
17	Máy tính cấu hình 1	TA	1	13,250	13,250									
18	Máy tính cấu hình 1	TA	1	13,250	13,250									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
19	Máy tính cấu hình 1	TA	1	13,250	13,250									
20	Máy tính cấu hình 1	TA	1	13,250	13,250									
21	Máy tính cấu hình 1	TA	1	13,250	13,250									
22	Máy tính cấu hình 1 cho HS	TVHS	5	53,760	53,760									
23	Máy tính giáo viên	LHS	3	41,217	41,217									
24	Máy tính giáo viên	TVGV	4	54,956	54,956									
25	Máy tính giáo viên	DMLH	20	274,780	274,780									
26	Ti vi 50" + giá treo	TVHS	1	29,139	29,139									
27	Ti vi Plasma 51"+ đầu DVD + giá treo	HD	1	24,000	24,000									
28	Phòng sân khấu + sao vàng búa liềm	HD	1	11,449	11,449		1,717							
29	Phòng sân khấu + sao vàng búa liềm	TT	1	11,449	11,449		1,717							
30	Phòng sân khấu + sao vàng búa liềm	TBNT	1	11,449	11,449		1,717							
31	Phần mềm Violet	TVVP	1	10,000	10,000		10,000							
32	Phần mềm Sắp xếp thời khóa biểu	01TRUONG	1	10,000		10,000	10,000							
33	Phần mềm quản lý tài sản	TVVP	1	9,000	9,000		9,000							
34	Phần mềm kế toán MISA	TVVP	1	9,000	9,000		9,000							
35	Ôn áp	TH	1	11,499	11,499									
36	Ôn áp	DN	1	11,499	11,499									
37	Ôn áp	TA	1	11,499	11,499									
38	Mô hình trường + tù kính trung bày	TT	1	34,846	34,846		5,227							
39	Mixer	TBNT	1	11,276	11,276									
40	Máy tính xách tay	AN	1	14,456	14,456									
41	Máy tính xách tay	HP	2	28,912	28,912									
42	Máy tính xách tay	MT	1	14,456	14,456									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
43	Máy tính xách tay	HD	1	14,456	14,456									
44	Máy tính xách tay	HT	1	14,456	14,456									
45	Máy tính xách tay	TVVP	2	28,912	28,912									
46	Máy tính nhân viên	TVVP	2	27,478	27,478									
47	Máy tính cấu hình 1	TA	1	13,250	13,250									
48	Tivi 50" + giá treo	AN	1	27,364	27,364									
49	Máy tính cấu hình 1	TA	1	13,250	13,250									
50	Máy tính cấu hình 1	TA	1	13,250	13,250									
51	Đàn oocgan GV	AN	1	42,114	42,114									
52	Cột ném bóng rổ	TC	2	31,860	31,860		4,779							
53	Công trình phụ trợ (Công, sân, hệ thống chiếu sáng...)	01TRUONG	1	9,493,449	9,493,449		3,797,380							
54	Công suất	TBNT	1	15,672	15,672									
55	Camera vật thể Lumens PC168	TA	1	17,921	17,921									
56	Camera vật thể Lumens PC168	TH	1	17,921	17,921									
57	Camera vật thể Lumens PC168	CN	1	17,921	17,921									
58	Camera vật thể Lumens PC168	LHS	3	53,763	53,763									
59	Camera vật thể Lumens PC168	DMLH	20	358,420	358,420									
60	Hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy, HT	TH	1	14,561	14,561									
61	Camera vật thể Lumens PC168	TA1	2	35,842	35,842									
62	Camera vật thể Lumens PC168	DN	1	17,921	17,921									
63	Camera vật thể Lumens PC168	MT	1	17,921	17,921									
64	Bảng tương tác thông minh + máy	TA	1	122,220	122,220		18,333							
65	Bảng tương tác thông minh + máy chiếu gắn	DN	1	122,220	122,220									
66	Bảng khẩu hiệu + bộ chữ	HD	1	16,179	16,179		2,427							

Danh sách khác cũ
 STT

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
67	Bàn họp quây	BM	2	26,828	26,828									
68	Bàn họp quây	ĐOAN	1	13,414	13,414									
69	Bàn họp quây	CD	1	13,414	13,414									
70	Bàn ghế tiếp khách	HT	1	19,912	19,912									
71	Camera vật thể Lumens PC168	AN	1	17,921	17,921									
72	Hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy, HT	HD	1	55,355	55,355									
73	Hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy, HT	TA1	2	29,122	29,122									
74	Hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy, HT	MT	1	14,561	14,561									
75	Máy tính + loa	DN	1	14,337	14,337									
76	Máy photo	TVVP	1	155,314	155,314									
77	Máy in laser	DN	1	8,600	8,600									
78	Máy chiếu + bút trình chiếu	TA1	2	35,542	35,542									
79	Máy chiếu + bút trình chiếu	TH	1	17,771	17,771									
80	Máy chiếu + bút trình chiếu	CN	1	17,771	17,771									
81	Máy chiếu + bút trình chiếu	AN	1	17,771	17,771									
82	Máy chiếu + bút trình chiếu	DMLH	20	355,420	355,420									
83	Máy chiếu + bút trình chiếu	LHS	3	53,313	53,313									
84	Máy chiếu + bút trình chiếu	HD	1	17,771	17,771									
85	Máy chiếu + bút trình chiếu	MT	1	17,771	17,771									
86	Máy ảnh	TVVP	1	29,569	29,569									
87	Loa	TBNT	1	14,325	14,325									
88	Khung gương giống múa	AN	1	22,650	22,650		3,398							
89	Hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy, HT	TA	1	14,561	14,561									
90	Hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy, HT	TC	1	14,561	14,561									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
91	Hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy, HT	CN	1	14,561	14,561									
92	Hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy, HT	LHS	3	43,683	43,683									
93	Hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy, HT	DN	1	14,561	14,561									
94	Hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy, HT	AN	1	14,561	14,561									
95	Hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy, HT	DMLH	20	291,220	291,220									
96	Máy tính cấu hình 1	TA	1	13,250	13,250									
97	Trống trường + giá để trống	01TRUONG	1	18,000		18,000	15,750							x
Tổng cộng			266	13,695,958	13,667,958	28,000	3,890,445							

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)
Nguyễn Thị Hồng Hải
Nguyễn Thị Hồng Hải

Ngày 04 tháng 01 năm 2024
Phụ trách đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)
Nguyễn Thị Soan
Nguyễn Thị Soan

